TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày: 04-7-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Bình Trọng
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thịnh; Nghề nghiệp: Giáo viên; Nơi C tác: Trường phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai.
2. Ông Phạm Đức Minh; Nghề nghiệp: Cán bộ; Nơi C tác: Huyện đoàn S, tỉnh Lào Cai

Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai kiểm sát xét xử tại phiên toà: Ông Lù Xuân Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 05 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. G S S, tên gọi khác: Không, sinh ngày 05/6/2007 tại thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 09 tháng 12 ngày);

Nơi cư trú: Tổ dân phố G K, thị trấn S, hyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Hmông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông G S T sinh năm 1973; con bà T T M sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có; tiền án: Chưa; tiền sự: Chưa; Nhân thân: Ngày 22/4/2024 bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.250.000 đồng theo Quyết định số 11141/QĐ-XPHC của C an huyện S, tỉnh Lào Cai về hành vi cố ý gây thương tích xảy ra ngày 29/01/2024; bị tạm giữ: 21/3/2024, tạm giam ngày 22/3/2024; ngày được cho tại ngoại: Không; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ C an huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Anh G S V sinh năm 1998; nơi cư trú: Tổ dân phố G K, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do là anh trai của bị cáo - Có mặt.

2. G Q T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 19/10/2006 tại thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 04 tháng 27 ngày);

Nơi cư trú: Tổ dân phố P M, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp

trước khi phạm tội: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Hmông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông G S V1 sinh năm 1978; con bà S T C sinh năm 1984; vợ, con: Chưa có; tiền án: Chưa; tiền sự: Chưa; Nhân thân: Ngày 28/12/2021 Cố ý gây thương tích bị C an thị trấn S, huyện S xử phạt "Cảnh cáo" theo QĐ số 04/QĐ-XPVPHC ngày 11/01/2022; đến ngày 16/7/2022 Gây rối trật tự C cộng bị C an thị trấn S, huyện S xử phạt "Cảnh cáo" theo QĐ số 10/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2022; Ngày 29/01/2024 Cố ý gây thương tích bị C an huyện S, tỉnh Lào Cai xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.250.000 đồng theo Quyết định số 0011143/QĐ-XPHC; đến ngày 17/3/2024 bị cáo thực hiện hành vi Cướp tài sản; bị tạm giữ ngày 21/3/2024, tạm giam ngày 22/3/2024; ngày được cho tại ngoại: Không; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ C an huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Anh G S V1 sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ dân phố P M, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do là bố đẻ của bị cáo - Có mặt.

3. G S C, tên gọi khác: Không, sinh ngày 22/10/2006 tại xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 04 tháng 24 ngày);

Nơi cư trú: Thôn H B, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Hmông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông G S C sinh năm 1964; con bà T T S sinh năm 1969 hiện bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2016 không rõ làm gì, ở đâu; vợ, con: Chưa có; tiền án: Chưa; tiền sự: Chưa; Nhân thân: Ngày 08/11/2022 Trộm cắp tài sản bị Ủy ban nhân dân xã Q H T, huyện S xử phạt "Cảnh cáo" theo QĐ số 30/QĐ-XPHC ngày 20/4/2023; bị tạm giữ: 21/3/2024, tạm giam ngày 22/3/2024; ngày được cho tại ngoại: Không; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ C an huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Anh G S C sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn H B, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do là bố đẻ của bị cáo - Có mặt.

4. S S T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 29/11/2005 tại xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn S H S, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Lao động tự; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Hmông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông S S N sinh năm 1969; con bà V T M sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án: Chưa, tiền sự: Chưa: Nhân thân: Ngày 29/01/2024 thực hiện hành vi cố ý gây thương tích bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 6.500.000 đồng theo Quyết định số 11144/QĐ-XPHC ngày 22/4/2024 của C an huyện S, tỉnh Lào Cai; bị tạm giữ: 21/3/2024, tạm giam ngày 22/3/2024; ngày được cho tại ngoại: Không; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ C an huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo G S S và bị cáo S S T*: Bà Liệu Thị Nga - Trợ giúp viên Pháp lý C tác tại trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo G Q T và bị cáo G S C*: Bà Đỗ Thị Ngọc - Trợ giúp viên Pháp lý C tác tại trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- ***Bị hại***: Cháu H M H, sinh ngày 27/8/2006;

Nơi cư trú: Thôn S C H, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người bị hại H M H*: Ông Hoàng Seo Phềnh, sinh năm 1987 (bố đẻ của bị cáo);

Nơi cư trú: Thôn S C H, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Bà Hoàng Thị Diễm Hằng (Trợ giúp viên pháp lý C tác tại trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai) - Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Anh S S S, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Thôn Phố P M, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. Anh S S N, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Thôn S H S, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

3. Anh L A H, sinh năm 1998;

Nơi cư trú: Thôn S H S, xã N S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người phiên dịch bà L T N, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Thôn S C, xã N S,huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 15/3/2024 G S S sinh ngày 05/6/2007 trú tại tổ dân phố G K, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai cùng G Q T sinh ngày 19/10/2006 trú tại tổ dân phố P M, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai và S S T sinh ngày 29/11/2005 trú tại thôn S H S, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai đến nhà G M H sinh năm 2007 tại tổ dân phố D P, thị trấn S, huyện S chơi. Tại đây S nói với Th và T tối nay đi mua điện thoại không, hết tiền rồi tối nay pH đi cướp thôi, T và Th đồng ý, nhưng không có phương tiện để đi nên không thực hiện. Khoảng 19 giờ ngày 17/3/2024 G S S, G Q T, S S T, G S C trú tại thôn H B, xã S C, huyện S; S S H sinh năm 2009 trú tại tổ dân phố D P, thị trấn S, huyện S; H C P sinh năm 2006 và G C S sinh năm 2003 cùng trú tại tổ dân phố G K, thị trấn S, huyện S đến nhà G M H chơi và ăn cơm; khoảng 21 giờ S S H và G S H vào giường nằm ngủ, P và S lên gác sép nằm ngủ. Vào khoảng 22 giờ S và T ra ngoài cửa, tại đây S nói với T là tối nay đi mua điện thoại không (T hiểu ý là đi cướp điện thoại) và T đồng ý, T nói rủ thêm cả Th và C cùng đi. Sau đó S và T vào trong nhà, S nói với T, C và Th là anh em mình đi mua điện thoại, rồi S nói rõ là đi cướp điện thoại, T, C, Th đồng ý. Sau đó S và C vào trong bếp của nhà Hùng: S lấy 01 con dao nhọn lắp vào 01 đoạn gậy kim loại lấy trong gầm giường (dạng dao phóng lợn); C lấy 01 dao (dạng dao chặt xương, cán gỗ). T lấy 01 gậy sắt (loại gậy 03 khúc) trong túi treo ở cột nhà Hùng. Khoảng 23 giờ cùng ngày T điều khiển xe môtô hiệu HONDA-WAVE ALPHA, không gắn biển kiểm soát chở S; Th điều khiển xe

mô tô biển kiểm soát 24HB-233.95 trở C; T cầm theo 01 gậy, S cầm 01 dao nhọn, C cầm 01 dao vừa chuẩn bị sẵn đi theo đường Quốc lộ 4 hướng lên xã C C, huyện S, khi đi đến Nghĩa trang liệt sỹ huyện thì tất cả dừng lại, T và Th đi lên nghĩa trang mục đích xem có ai không để cướp, nhưng không thấy có ai. Sau đó cả 4 đi theo hướng xã C C, trên đường đi S nói chỉ cướp điện thoại của thanh niên, không cướp của người già. Đến khu vực chợ C C không gặp được người để cướp tài sản nên cả nhóm quay lại về thị trấn S; khoảng 23 giờ 30 phút về đến khu vực thị trấn S cả bốn đi vào khu vực trong chợ thì thấy H M H sinh năm 2006 trú tại thôn S C H, xã Q H T, huyện S đang ngồi trên sạp bán hàng xem điện thoại, tất cả dừng xe lại, T và Th ngồi trên xe, S cầm dao phóng lợn đến chỗ H đang ngồi, C cầm 01 dao và 01 chiếc gậy đi theo sau. Gặp H, S nói *"mày đang làm gì, mày ở đâu ra, sinh năm bao nhiêu",* H trả lời *"em sinh năm 2006, em ở trên Cán Hồ, em học ở trường phổ thông dưới này",* S nói *"mày không đi về nhà ở đây làm cái gì",* H trả lời *"em ở trọ gần đây, mấy đưa bạn đi chơi hết, em ra đây bắt wifi",* S đã yêu cầu H viết mật khẩu và đưa điện thoại của H cho S, H không đưa. S để dao phóng lợn lên sạp hàng rồi dùng hai tay giật điện thoại trên tay H nhưng không được, S dùng tay pH tát 01 phát vào mặt bên trái của H, ngay lúc đó C dùng tay pH tát 02 phát vào mặt bên trái H, C nói mày có đưa đây không, S tiếp tục cầm dao phóng lợn chỉ vào mặt H và nói "mày có đưa đây không', khi bị đánh và đe dọc, H khóc to và liên tục nói nhiều câu "em xin các anh", S tiếp tục giật điện thoại của H nhưng không được nên nói với H cho xin điếu thuốc, H đưa cả bao thuốc cho S, S rút 01 điếu ra hút và đưa bao thuốc cho C, C rút ra 01 điếu để hút và đưa bao thuốc cho Th; khoảng 02 phút sau, S bảo H mở mật khẩu điện thoại cho S mượn gọi điện cho bạn, H làm theo và đưa điện thoại cho S, S cầm điện thoại vào mạng xã hội Facebook. Lúc này, Th nhận ra H và nói với T là H bị tàn tật không có mẹ, sợ H nhận ra Th nên T nói với S "em ơi trả điện thoại cho nó rồi mình về đi", S cầm điện thoại của H chạy về hướng ngã ba gần cửa hàng điện máy xanh, C cầm dao của S và dao, gậy của C chạy theo sau, T với Th đi xe mô tô theo S, sau đó cả nhóm quay về nhà G M H cất dao, gậy và ngủ tại đây. Ngày 18/3/2024, S đưa điện thoại cướp được của H cho S S H, nhờ H đi bán, S S H mang điện thoại đến quán kinh dooanh điện thoại của S S S ở tổ dân phố P M, thị trấn S bán được 500.000 đồng về đưa tiền cho S, S cầm tiền đưa cho T 200.000 đồng, S dùng 100.000 đồng mua đồ cho cả nhóm ăn tại nhà G M H, số tiền còn lại S đã chi tiêu cá nhân hết. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 08/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện S kết luận: Giá trị của 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi A1 32G, màu xanh, có số IMEI 1: 863941064792261, số EMEI 2: 863941064792279, đã qua S dụng; kèm theo 01 sim điện thoại mạng Viettel có dẫy số 89840 48000 93109 9085 là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai truy tố các bị can G S S, G Q T, G S C, S S T có lý lịch nêu trên về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo S, T, C, Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của

mình đúng như nội dung của Bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38; khoản 1 Điều 54; các Điều 58, 90; 91; 98; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo G S S từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm tù về tội "Cướp tài sản".

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 90; 91; 98; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo G S C từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù về tội "Cướp tài sản".

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; khoản 1 Điều 54; các Điều 58; 90; 91; 98; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo G Q T từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản". .

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo S S T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản".

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo S, T, C chưa đủ 18 tuổi; bị cáo Th trên 18 tuổi nhưng không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên đều không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

- Về dân sự: Không.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên: Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số vật chứng còn lại.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo S và bị cáo Th đề nghị: Nhất trí bản cáo trạng truy tố bị cáo; Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 1 Điều 54; các Điều 58; 90; 91; 98 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo G S S mức án 03 năm tù về tội Cướp tài sản. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Cho bị cáo S S T được hưởng mức án 03 năm 03 tháng tù về tội Cướp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTV Quốc Hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo S là trẻ em, miễn án phí cho bị cáo Th vì thuộc diện hộ nghèo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo C và bị cáo T: Nhất trí với bản cáo trạng về tội danh; Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; khoản 1 Điều 54; các Điều 58; 90; 91; 98 và Điều 101 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo G S C mức án 02 năm 09 tháng tù về tội Cướp tài sản. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; khoản 1 Điều 54; các Điều 58; 90; 91; 98 và Điều 101 Bộ luật

hình sự. Cho bị cáo G Q T được hưởng mức án 02 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo là người dưới 18 tuổi. Không đề cập giải quyết về dân sự. Tuyên án phí cho bị cáo theo quy định.

Ý kiến của bị hại, người đại diện hợp pháp và của người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Hành vi của các bị cáo S, T, C, Th là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương bị Viện kiểm sát truy tố về tội "Cướp tài sản" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 là đúng với quy định của pháp luật. Các bị cáo chỉ vì muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên ngày 17/3/2024 đã bất chấp, coi thường pháp luật, dùng vũ khí nguy hiểm để uy hiếp cướp được chiếc điện thoại của cháu H M H bán được số tiền 500.000 đồng để tiêu sài. Nhất trí với bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như về hình phạt đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: bị hại và người đại diện của bị hại không không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Những người đại diện hợp pháp của các bị cáo S, T, C không có ý kiến gì.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không có yêu cầu đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, đại diện của bị cáo và của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2]. Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa các bị cáo G S S, G Q T, G S C, S S T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và biên bản, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, ý kiến của người bào chữa, lời khai của người làm chứng, của bị hại, đại diện của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có hiểu biết pháp luật nhưng bỏ học, chơi bời lêu lổng, lười lao động lại muốn có tiền tiêu sài cá nhân, bất chấp quy định của pháp luật đã S dụng vũ khí, phương tiện nguy hiểm như dao nhọn lắp vào 01 đoạn gậy kim loại (dạng dao phóng lợn); dao (dạng dao chặt sương, cán gỗ); gậy sắt (loại gậy 03) khúc đe dọa, đánh H M H cướp tài sản là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi A1 32G màu xanh trị giá 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 điều 168 của Bộ luật hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố đối với các bị cáo về tội "*Cướp tài sản"* với tình tiết định khung là S dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, không chỉ gây hoang mang cho quần chúng nhân dân mà còn gây

mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên cần pH xử lý nghiêm minh trước pháp luật để cải tạo các bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không phân C vai trò cụ thể, bị cáo G S S là người khởi xướng đồng thời là người thực hành tích cực vì vậy bị cáo S giữ vai trò chính trong vụ án; bị cáo G S C khi được S rủ rê đã trực tiếp tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành; các bị cáo G Q T và S S T khi được S rủ rê cũng đồng ý tham gia nên đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

Qua xem xét, đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cần pH cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Đối với các bị cáo S, C, T khi thực hiện hành vi phạm tội còn chưa thành niên mới từ trên 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, suy nghĩ còn nông nổi đã phạm tội, mặt khác chính sách pháp luật của Nhà nước đối với người dưới 18 tuổi chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ Sa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành C dân có ích cho xã hội nên được áp dụng khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự; cả bốn bị cáo S, C, T, Th có đủ 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 54 nên được Hội đồng xét xử áp dụng để lượng hình đối với các bị cáo.

+ Bị cáo G S S là người khởi xướng đồng thời là người thực hành tích cực, vì vậy bị cáo S giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo pH chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 điều 52 là "súi giục người dưới 18 tuổi phạm tội"; bị cáo có nhân thân xấu, ngày 22/4/2024 bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.250.000 đồng theo Quyết định số 11141/QĐ-XPHC của C an huyện S, tỉnh Lào Cai về hành vi cố ý gây thương tích xảy ra ngày 29/01/2024 . Tuy nhiên, xét thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự; Khi thực hiện hành vi phạm tội (ngày 17/3/2024) bị cáo mới được 16 tuổi 09 tháng 12 ngày. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 3, 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự để ra một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi tham gia tội phạm của bị cáo.

+ Đối với bị cáo G S C đồng phạm với vai trò là người thực hành, ngay sau khi S dùng tay pH tát 01 phát vào mặt của H thì C dùng tay pH tát 02 phát vào mặt H, C nói mày có đưa đây không tạo điều kiện uy hiếp do vậy bị cáo C pH chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng Trộm cắp tài sản bị Ủy ban nhân dân xã Q H T, huyện S xử phạt "Cảnh cáo" theo QĐ số 30/QĐ-XPHC ngày 20/4/2023 . Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự; Khi thực hiện hành vi phạm tội (ngày 17/3/2024) bị cáo mới được 17 tuổi 04 tháng 24 ngày. Không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

khoản 1 Điều 54; khoản 1, 3, 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự để ra một mức án tương xứng với tính chất, mức độ tham gia đồng phạm của bị cáo.

+ Đối với bị cáo G Q T đồng phạm với vai trò là người giúp sức, do vậy bị cáo pH chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ ba trong vụ án. Bị cáo có nhân thân rất xấu, cụ thể: Ngày 11/01/2022 bị C an thị trấn S xử phạt "Cảnh cáo" về hành vi Cố ý gây thương tích; đến ngày ngày 27/10/2022 bị C an thị trấn S xử phạt "Cảnh cáo" về hành vi Gây rối trật tự C; Ngày 29/01/2024 Cố ý gây thương tích bị C an huyện S, tỉnh Lào Cai xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.250.000 đồng nhưng bị cáo lại không coi đó là bài học để rút kinh nghiệm. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự; Khi thực hiện hành vi phạm tội (ngày 17/3/2024) bị cáo mới được 17 tuổi 04 tháng 27 ngày. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 3, 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự để ra một mức án tương xứng với tính chất và mức độ tham gia đồng phạm của bị cáo.

+ Đối với bị cáo S S T đồng phạm với vai trò là người giúp sức, do vậy bị cáo pH chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ ba trong vụ án, khi phạm tội bị cáo đã thành niên (trên 18 tuổi). Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", và đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và án dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để ra một mức án tương xứng với tính chất, mức độ tham gia đồng phạm và hành vi phạm tội đối với bị cáo.

Đối với S S H, G M H, H C P, G C S là những người ở nhà G M H tối ngày 17/3/2024 do không biết các bị cáo bàn bạc, thực hiện hành vi phạm tội, sau khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cũng không biết nội dung sự việc nên không đề cập xử lý là đúng quy định.

[3] Trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo đã tác động đến gia đình và cùng nhau tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng, bị hại và người đại diện của bị hại không có yêu cầu đề nghị gì thêm, ngoài ra có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan S S S yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 500.000 đồng là tiền bỏ ra mua điện thoại của các bị cáo cướp được, khi mua anh Séng không biết điện thoại do cướp được mà có; Quá trình điều tra các bị cáo đã tác động đên gia đình cùng nhau bồi thường đủ số tiền 500.000 đồng cho anh Séng. Anh Séng không còn yêu cầu đề nghị gì khác.

Anh L S H và anh S S N là chủ sở hữu các phương tiện đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu đề nghị gì.

[4] Về xử lý vật chứng; Quá trình điều tra xác định và thu giữ được gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi A1 32G, màu xanh, có số IMEI 1: 863941064792261, số EMEI 2: 863941064792279, đã qua S dụng; kèm theo 01 sim điện thoại mạng Viettel có dãy số 89840 48000 93109 9085 của H M H, cơ quan

điều tra đã trả lại cho H.

- 01 xe môtô hiệu HONDA-WAVE ALPHA, không gắn biển kiểm soát, số khung : RLHJA 3933PY088702, số máy JA70E-0119401, quá trình điều tra xác định được xe của L S H sinh năm 1998, trú tại thôn S H S, xã S C, huyện S cho G Q T mượn, bị cáo T S dụng để đi cướp tài sản anh H không biết, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là L S H.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 24HB-233.95, số khung RLHJA 393 XPY 636534, số máy: JA70E0153610; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 2400485 do C an huyện S cấp ngày 06/01/2024 tên chủ xe S S T. Quá trình điều tra xác định của S S N sinh năm 1969 (bố đẻ bị cáo Th) là chủ sở hữu hợp pháp. Do không biết chữ nên để con trai S S T đứng tên đăng ký xe, khi bị cáo Th mang xe đi để cướp tài sản S S N không biết, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh N.

Các tài sản trên được trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với các vật chứng khác gồm:

+ 01 (một) con dao bằng kim loại, dạng dao chặt xương dài 32cm, cán bằng gỗ dài 12,5cm, phần đầu chốt với thân dao bọc kim loại màu vàng dài 2cm; thân dao mầu đen dập vân nổi sù xì, có một lưỡi, đầu hơi vát nhọn, bản rộng 8cm, đầu cán bị khuyết một phần không rõ hình thù, gần mũi dao có một lỗ hình elip 2x1cm;

+ 01 (một) con dao nhọn bằng kim loại màu đen, dài 32cm, cán dao bằng kim loại dài 10cm, phần cuối cán được đệm gỗ dài 1,5cm, thân dao có một lưỡi mũi nhọn, điểm rộng nhất ở bụng dao rộng 4cm;

+ 01 (một) thanh kim loại hình trụ rỗng màu bạc, dài 2m, đường kính 1,8cm; hai đầu kim loại đều được cắt khuyết một nửa, nửa còn lại đều dài 2,5cm, được đục 01 lỗ tròn đường kính 0,4cm;

+ 01 (một) gậy rút 3 khúc bằng kim loại, khúc thứ nhất được bọc nhựa màu đen dài 23,5cm, đường kính 2,5cm; khúc thứ hai dài 19cm, đường kính 1,5cm; khúc thứ ba dài 18,5cm, dường kính 1cm (cả ba khúc nhỏ dần về phía đầu), khúc hai và ba được sơn màu vàng, xanh, tím. Là C cụ, phương tiện phạm tội áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy.

Đối với toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo S, C, T, Th về mức hình phạt là nhẹ, không tương xứng với tình chất, mức độ, hành vi phạm tội và đồng phạm; với đề nghị cho bị cáo S và bị cáo T được miễn án phí không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận; còn các đề nghị khác được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Các bị cáo G S S, G Q T mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm; các bị cáo G S C, S S T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38; khoản 1 Điều 54; các Điều 58;90; khoản 1, 3, 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo G S S.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38; khoản 1 Điều 54; các Điều 58;90; khoản 1, 3, 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo G Q T.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38; khoản 1 Điều 54; các Điều 58;90; khoản 1, 3, 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo G S C.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38; khoản 1 Điều 54; các Điều 58 của Bộ luật hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo S S T.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo G S S, G S C, G Q T, S S T phạm tội "Cướp tài sản".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo G S S 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 21/3/2024.

- Xử phạt bị cáo G S C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 21/3/2024.

- Xử phạt bị cáo G Q T 03 (ba) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/3/2024.

- Xử phạt bị cáo S S T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/3/2024.

3. Về việc xử lý vật chứng; Tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) con dao bằng kim loại, dạng dao chặt xương dài 32cm, cán bằng gỗ dài 12,5cm, phần đầu chốt với thân dao bọc kim loại màu vàng dài 2cm; thân dao mầu đen dập vân nổi sù xì, có một lưỡi, đầu hơi vát nhọn, bản rộng 8cm, dầu cán bị

khuyết một phần không rõ hình thù, gần mũi dao có một lỗ hình elip 2x1cm;

+ 01 (một) con dao nhọn bằng kim loại màu đen, dài 32cm, cán dao bằng kim loại dài 10cm, phần cuối cán được đệm gỗ dài 1,5cm, thân dao có một lưỡi mũi nhọn, điểm rộng nhất ở bụng dao rộng 4cm;

+ 01 (một) thanh kim loại hình trụ rỗng màu bạc, dài 2m, đường kính 1,8cm; hai đầu kim loại đều được cắt khuyết một nửa, nửa còn lại đều dài 2,5cm, được đục 01 lỗ tròn đường kính 0,4cm;

+ 01 (một) gậy rút 3 khúc bằng kim loại, khúc thứ nhất được bọc nhựa màu đen dài 23,5cm, đường kính 2,5cm; khúc thứ hai dài 19cm, đường kính 1,5cm; khúc thứ ba dài 18,5cm, dường kính 1cm (cả ba khúc nhỏ dần về phía đầu), khúc hai và ba được sơn màu vàng, xanh, tím. Các vật chứng này hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sụ huyện S, tỉnh Lào Cai.

4. Về án phí: Các bị cáo G S S, G Q T mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm; các bị cáo G S C, S S T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo; người bào chữa cho bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo S, C, T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người đại diện theo ủy quyền của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngàynhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- PC 81 C an tỉnh;
- VKSND huyện S;
- C an huyện S;
- Nhà tạm giữ Ca huyện Mường Khương;
- Chi cục THA DS huyện S;
- CQTHA Hình sự CA huyện S;
- Bị cáo + đd bị hại (5);
- Người đại diện của bị cáo (03);
- Người bào chữa (02);
- Người có ql,nvlq;
- Lưu: HS, THS, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng